

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94/NQ-HĐND

Hải Hậu, ngày 16 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
huyện Hải Hậu năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của Hội đồng nhân tỉnh Nam Định về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định năm 2022; Nghị quyết số 58/NQ-HĐND tỉnh Nam Định về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh và kế hoạch đầu tư công tỉnh Nam Định năm 2022; Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 06/12/2021 của UBND huyện về việc dự kiến dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế xã hội HĐND và ý kiến của các đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu, chi ngân sách huyện Hải Hậu năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước là 1.088.441 triệu đồng (phần ngân sách huyện xã được điều hành là: 873.341 triệu đồng, bao gồm :

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là: 297.120 triệu đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 711.321 triệu đồng

2. Tổng chi ngân sách huyện xã là: 873.341 triệu đồng bao gồm:

- Ngân sách huyện chi là: 630.098 triệu đồng

- Ngân sách xã chi là: 243.243 triệu đồng

(chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình thực hiện nếu cần điều chỉnh dự toán ngân sách trong các

trường hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước thì Ủy ban nhân dân huyện trình Thường trực Hội đồng nhân dân huyện quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu khoá XIX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử của huyện;
- Lưu: Văn thư.

CHỦ TỊCH



Trần Minh Hải

DANH MỤC MẪU BIỂU BÁO CÁO

(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu)

STT	Tên biểu	Nội dung
1	Biểu số 01	Dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2022
2	Phụ biểu 01	Dự toán thu chi tiết NSNN huyện Hải Hậu năm 2022 (do cơ quan thuế lập)
3	Phụ biểu 02	Bảng tính tỷ lệ điều tiết các khoản thu dự toán giao năm 2022
4	Biểu số 02	Dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2022
5	Biểu mẫu số 02	Đánh giá cân đối ngân sách địa phương năm 2021
6	Biểu mẫu số 03	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm 2021
7	Biểu mẫu số 04	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm 2021
8	Biểu mẫu số 05	Cân đối ngân sách địa phương năm 2022
9	Biểu mẫu số 06	Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm 2022
10	Biểu mẫu số 07	Dự toán chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm 2022
11	Biểu mẫu số 08	Đánh giá cân đối nguồn thu, chi ngân sách huyện (xã) năm 2021
12	Biểu mẫu số 09	Đánh giá thực hiện thu NSNN trên địa bàn từng xã năm 2021
13	Biểu mẫu số 10	Đánh giá thực hiện thu NSNN trên địa bàn từng xã theo lĩnh vực năm 2021
14	Biểu mẫu số 11	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương chi NS huyện (xã) theo cơ cấu chi năm 2021
15	Biểu mẫu số 12a	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực năm 2021
16	Biểu mẫu số 12b	Đánh giá thực hiện chi ngân sách xã theo lĩnh vực năm 2021
17	Biểu mẫu số 13	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2021
18	Biểu mẫu số 14	Đánh giá thực hiện chi đầu tư phát triển NS cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2021
19	Biểu mẫu số 15	Đánh giá thực hiện chi thường xuyên NS cấp huyện, xã cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2021
20	Biểu mẫu số 16	Đánh giá thực hiện chi cân đối ngân sách từng xã năm 2021
21	Biểu mẫu số 19	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp huyện (xã) năm 2022
22	Biểu mẫu số 20	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn
23	Biểu mẫu số 21	Dự toán thu NSNN trên địa bàn từng xã theo lĩnh vực năm 2022
24	Biểu mẫu số 22	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp huyện (xã) theo cơ cấu chi năm 2022
25	Biểu mẫu số 23a	Dự toán chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực năm 2022
26	Biểu mẫu số 23b	Dự toán chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực năm 2022
27	Biểu mẫu số 24	Dự toán chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2022
28	Biểu mẫu số 25	Dự toán chi ĐT phát triển của NS cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2022
29	Biểu mẫu số 26	Dự toán chi thường xuyên của NS cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2022
30	Biểu mẫu số 28	Dự toán thu, chi NS địa phương và số bổ sung cân đối từ NS cấp trên cho NS cấp dưới năm 2022
31	Biểu mẫu số 29	Dự toán chi ngân sách địa phương từng xã năm 2022
	Biểu mẫu số 31	Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn NSNN năm 2022
32	Biểu mẫu số 32	Kế hoạch thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm 2022 (không bao gồm nguồn NSNN)



ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	843.668	1.256.019	412.351	149%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	228.320	368.740	140.420	162%
1	Thu NSDP hưởng 100%	114.340	121.112	6.772	106%
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	113.980	247.628	133.648	217%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	615.348	798.640	183.292	130%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	615.348	713.353	98.005	116%
2	Thu bổ sung có mục tiêu		85.287	85.287	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư		770	770	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		81.869	81.869	
VI	Thu từ NS cấp dưới nộp lên (Thu nộp trả tỉnh)				
VII	Các khoản thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân		6.000	6.000	
B	TỔNG CHI NSDP	843.668	1.256.018	412.350	149%
I	Tổng chi cân đối NSDP	843.668	1.082.610	238.942	128%
1	Chi đầu tư phát triển	103.950	222.236	118.286	214%
2	Chi thường xuyên	722.648	860.374	137.726	119%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	17.070		-17.070	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	173.408	173.408	
1	Chi bổ sung cân đối cho NS cấp dưới		148.232	148.232	
2	Chi bổ sung có mục tiêu		25.176	25.176	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu)

Đơn vị: Triệu đồng

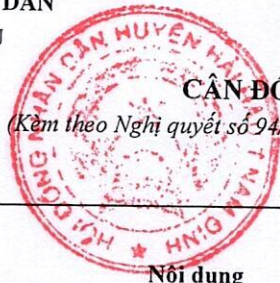
STT	Nội dung	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	1.134.988	843.668	1.477.113	1.167.380	130%	138%
I	Thu nội địa	519.640	228.320	678.473	368.740	130,6%	162%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	1.500	1.500	2.965	2.965	198%	198%
	Thuế giá trị gia tăng						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	2.200	2.200	1.925	1.925	88%	88%
	Thuế giá trị gia tăng						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Thuế tài nguyên						
	Tiền chậm nộp do ngành Thuế quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)			861			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	41.000	41.000	35.700	35.700	87%	87%
	Thuế giá trị gia tăng			35.700	35.700		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Thuế tài nguyên						
	Tiền chậm nộp do ngành Thuế quản lý						
5	Thuế thu nhập cá nhân	19.000	19.000	24.000	24.000	126%	126%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	38.000	38.000	45.000	45.000	118%	118%
8	Thu phí, lệ phí	7.800	4.000	9.000	4.600	115%	115%
	- Phí và lệ phí trung ương			4.380			
	- Phí và lệ phí tỉnh			20			
	- Phí và lệ phí huyện			3.000	3.000		
	- Phí và lệ phí xã, phường			1.600	1.600		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	640	640	772	772	121%	121%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.000	3.000	3.750	3.750	125%	125%
12	Thu tiền sử dụng đất	390.000	105.000	534.000	234.623	137%	223%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	7.500	4.980	13.500	8.405	180%	169%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	9.000	9.000	7.000	7.000	78%	78%
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu từ ngân sách cấp trên	615.348	615.348	798.640	798.640		

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	843.668	1.256.018	412.350	149%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	843.668	1.082.610	238.942	128%
I	Chi đầu tư phát triển	103.950	222.236	118.286	214%
1	Chi đầu tư cho các dự án	103.950	222.236	118.286	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			0	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		0	0	
-	Chi khoa học và công nghệ			0	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			0	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		192.237	192.237	
-	Chi đầu tư từ nguồn trái phiếu CP		0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			0	
3	Chi đầu tư phát triển khác			0	
II	Chi thường xuyên	722.648	860.374	137.726	119%
	<i>Trong đó:</i>			0	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	416.704	422.263	5.559	101%
2	Chi khoa học và công nghệ	468	468	0	100%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
V	Dự phòng ngân sách	17.070	0		0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0,000		0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	173.408	173.408	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	173.408	173.408	
	Chi bổ sung cân đối cho NS cấp dưới		148.232	148.232	
	Chi bổ sung có mục tiêu		25.176	25.176	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	843.668	1.256.019	873.341	-382.678	69,5%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	228.320	368.740	162.020	-206.720	43,9%
-	Thu NSDP hưởng 100%	114.340	121.112	93.920	-27.192	77,5%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	113.980	247.628	68.100	-179.528	27,5%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	615.348	798.640	711.321	-87.319	89,1%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	615.348	713.353	711.321	-2.032	99,7%
2	Thu bổ sung có mục tiêu		85.287		-85.287	0,0%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				0	
IV	Thu kết dư		770		-770	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		81.869		-81.869	
VI	Các khoản thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân		6.000		-6.000	
B	TỔNG CHI NSDP	843.668	1.256.018	873.341	29.673	103,5%
I	Tổng chi cân đối NSDP	843.668	1.082.610	873.341	29.673	103,5%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	103.950	222.236	59.230	-44.720	57,0%
2	Chi thường xuyên	722.648	860.374	796.161	73.513	110,2%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				0	
5	Dự phòng ngân sách	17.070		17.950	880	105,2%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu		173.408		0	
1	Chi bổ sung cân đối cho NS cấp dưới		148.232		0	
2	Chi bổ sung có mục tiêu		25.176		0	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	678.473	368.740	295.467	162.020	44%	44%
I	Thu nội địa	678.473	368.740	295.467	162.020	44%	44%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	2.965	2.965	0	0	0%	0%
	Thuế giá trị gia tăng	2.965	2.965		0	0%	0%
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	1.925	1.925	100	100	5%	5%
	Thuế giá trị gia tăng	0	0	100	100		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0		0		
	Thuế tài nguyên	0	0				
	Tiền chậm nộp do ngành Thuế quản lý	0	0				
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	861	0				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	35.700	35.700	26.000	26.000	73%	73%
	Thuế giá trị gia tăng	35.700	35.700	26.000	26.000	73%	73%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0		0		
	Thuế tài nguyên	0	0		0		
	Tiền chậm nộp do ngành Thuế quản lý	0	0		0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	24.000	24.000	19.000	19.000	79%	79%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	45.000	45.000	38.000	38.000	84%	84%
8	Thu phí, lệ phí	9.000	4.600	4.047	3.900	45%	85%
-	Phí và lệ phí trung ương	4.380		1.800			
-	Phí và lệ phí tỉnh	20					
-	Phí và lệ phí huyện	3.000	3.000	2.247	2.247		
-	Phí và lệ phí xã, phường	1.600	1.600				
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	772	772	520	520	67%	67%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.750	3.750	2.300	2.300	61%	61%
12	Thu tiền sử dụng đất	534.000	234.623	190.000	60.000	36%	26%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	13.500	8.405	7.500	4.200	56%	50%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	7.000	7.000	8.000	8.000	114%	114%
18	Thu hồi vốn, thu cô tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	843.668	873.341	29.673	104%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	843.668	873.341	29.673	104%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	103.950	59.230	-44.720	57,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	103.950	59.230	-44.720	57,0%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		59.230		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	722.648	796.161	73.513	110,2%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	416.704	417.046	342	100,1%
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	468	525	57	112%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	17.070	17.950	880	105%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

**ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hải Hậu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	728.775	818.239	89.464	112%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	113.427	154.395	40.968	136%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	615.348	625.233	9.885	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	615.348	565.121	-50.227	
-	Thu bổ sung có mục tiêu		60.112	60.112	
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)			0	
4	Thu kết dư		1	1	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		38.610	38.610	
II	Chi ngân sách	587.871	818.238	230.367	139%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	587.871	644.830	56.959	110%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	0	173.408	173.408	
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách		148.232	148.232	
-	Chi bổ sung có mục tiêu		25.176	25.176	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	263.125	437.780	174.655	166%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	114.893	214.344	99.452	187%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	148.232	173.408	25.176	117%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	148.232	148.232	0	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu		25.176	25.176	
3	Thu kết dư		769	769	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		43.259	43.259	
5	Các khoản thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân		6.000	6.000	
II	Chi ngân sách	263.125	437.780	174.655	166%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	263.125	437.780	174.655	166%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)				
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách				
-	Chi bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				